

Bản án số: 511/2019/HC-PT

Ngày 31-7-2019

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Đặng Văn Ý

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
315/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018
của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 822/2019/QĐ-HC ngày 10
tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2019/QĐ- PT ngày 27 tháng
6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nhan Thị T, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhan Thị T: Bà Thạch Thị Ngọc L, sinh
năm 1980 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhan Thị T: Luật sư Kim Ron
T1, sinh năm 1976 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Công ty luật TNHH MTV V. Squận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh(vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn L1 – Chủ tịch (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc B– Chủ tịch (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1949(vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lý Kim V, sinh năm 1948(chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lý Kim V: Ông Từ Minh K, sinh năm 1969(vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Huỳnh Nhật M, sinh năm 1934(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Nhật M: Ông Huỳnh Trung K1, sinh năm 1970(có mặt).

Cùng địa chỉ: Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Thạch Thị Ngọc O, sinh năm 1973(có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị Ngọc O: Bà Thạch Thị Ngọc L, sinh năm 1980(xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị Ngọc O: Luật sư Kim Ron T1, sinh năm 1976 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2015 của bà Nhan Thị T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Nhan Thị T trình bày:

Bà Nhan Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Với lý do, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Thạch Sơn L2 để lại cho cha

chồng bà là ông Thạch K2 (ông Thạch Sơn L2 là cha của ông Thạch K2), năm 1954 bà về sống với ông Thạch D (là con ông Thạch K2) được thừa hưởng phần đất này tiếp tục canh tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước, năm 1970 ông Thạch D chết, đến năm 1973 thì bà về sống với ông Thạch S và tiếp tục canh tác phần đất tranh chấp đến năm 1984 thì bà kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2004 thì ông Huỳnh Nhật M về phát sinh tranh chấp; Về quá trình sử dụng đất, phần đất tranh chấp gia đình bà canh tác từ năm 1945 đến nay, còn gia đình ông Huỳnh Nhật M không có canh tác trên phần diện tích đất này; Ủy ban nhân dân hai cấp sử dụng các biên bản hòa giải thỏa thuận giữa ông Thạch S (là chồng sau của bà) với các hộ là không có căn cứ pháp luật, vì ông Thạch S không được các thành viên trong gia đình bà ủy quyền tham gia giải quyết tranh chấp, các văn bản ông Huỳnh Nhật M thỏa thuận cho bà Lý Kim V cất nhà trên đất là do các bên tự lập không có căn cứ, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không phù hợp.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, ông Nguyễn Văn H có văn bản trình bày:

Phần đất tranh chấp tại thửa số 34, diện tích 2.938 m², loại đất T-BHK; thửa số 35, diện tích 225 m², loại đất NTĐ; thửa số 36, diện tích 83 m², loại đất ODT; thửa số 37, diện tích 91 m², loại đất ODT; thửa số 38, diện tích 52 m², loại đất ODT, thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Dương Phú Q, khi ông qua đời (ông và vợ được chôn trên phần đất này) mới để lại cho gái ruột của mình là bà Dương Thị T2 và con rể là ông Huỳnh Nhật T3. Năm 1945, do tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nên ông Huỳnh Nhật T3 cùng gia đình rời bỏ mảnh đất trên để tham gia kháng chiến.

Năm 1975, ông Huỳnh Nhật T3 có về trông coi phần mộ và đất này, đồng thời ông có nhờ ông Thạch S (Út K3, chồng bà Nhan Thị T) trông coi chăm sóc mộ ông bà và phần đất này (chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ chứng minh), vì ông Huỳnh Nhật T3 được Đảng và Nhà nước phân công đi công tác xa (tỉnh Tiền Giang). Năm 1978 bà Dương Thị T2 (vợ ông Huỳnh Nhật T3) qua đời và được đem về chôn trên phần đất này. Năm 1979, ông Huỳnh Nhật T3 qua đời, con ông là ông Huỳnh Nhật M tiếp tục quản lý trông coi phần mộ ông bà và phần đất nêu trên. Do ở xa nên hàng năm ông Huỳnh Nhật M chỉ về vào dịp Tết Nguyên đán và Thanh Minh. Đồng thời ông Huỳnh Nhật M cũng tiếp tục nhờ ông Thạch Strông coi chăm sóc mộ ông bà và phần đất này (chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ chứng minh).

Năm 1984, thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ về đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất do hộ ông Huỳnh Nhật M ở xa nên không kê khai đăng ký được, cho nên phần đất nêu trên thể hiện trên sổ mục

kê ruộng đất tên bà Nhan Thị T (vợ ông Thạch S, người trông coi mồ mã và phần đất của ông Huỳnh Nhật M).

Tuy không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất của gia đình ông Huỳnh Nhật M, nhưng qua các chứng cứ như: Ngày 24/6/1992, bà Lý Kim V (Năm S1) có đến tại Bệnh viện Quân đội 7A, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp ông Huỳnh Nhật M (vì ông Huỳnh Nhật M đang điều trị bệnh cao huyết áp ở Bệnh viện Quân đội 7A) xin cất nhà ở trên phần đất nêu trên và được ông Huỳnh Nhật M đồng ý cho cất nhà (có giấy ông Huỳnh Nhật M đồng ý cho cất nhà kèm theo) và biên bản ngày 26/3/1993 về việc giải quyết cất nhà trên phần đất mộ ngày 26/3/1993, các hộ ông Huỳnh Văn Đ, bà Lý Kim V và hộ ông Thạch S đều thừa nhận ký vào biên bản chỉ được ở không được bán, cho nên đây cũng là cơ sở để xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Nhật M.

Còn việc bà Nhan Thị T cho rằng đây là phần đất của ông nội chồng bà là ông Thạch Sơn L2 để lại cho bà và ông Thạch S tiếp tục sử dụng, tuy nhiên vào ngày 26/3/1993 Ban nhân dân khóm Thống Nhất và Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang mời về việc giải quyết cất nhà trên phần đất mộ của gia đình ông Huỳnh Nhật M mà hộ ông Thạch S đều thừa nhận ký vào biên bản chỉ được ở, nếu không ở thì trả lại đất, không được bán và cho người khác ở mà gia đình ông Thạch S cũng không có ý kiến gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang thì phía gia đình ông Huỳnh Nhật M thỏa thuận với hộ ông Huỳnh Văn Đ, bà Lý Kim V, cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Văn Đ, thửa số 36, tờ bản đồ số 3, diện tích 281,7m² (trong đó có 94,6m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông), loại đất ODT (83m²) - BHK (197,8m²) và ông Huỳnh Văn Đ phải trả thành quả lao động đất cho hộ ông Huỳnh Nhật M bằng 50% giá đất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm hiện hành.

Bà Lý Kim V, thửa số 37, diện tích 201,0m² (trong đó có 65,8m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông), loại đất ODT (91m²) - BHK (110m²) và bà Lý Kim V phải trả thành quả lao động đất cho hộ ông Huỳnh Nhật M bằng 50% giá đất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm hiện hành.

Từ đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Huỳnh Nhật M với bà Nhan Thị T, bà Thạch Thị Ngọc O và các hộ Huỳnh Văn Đ, Lý Kim V.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, ông Đồng Văn L1 có văn bản trình bày:

Qua thực tế xác minh và các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quá trình sử dụng đất, sự thỏa thuận giữa các hộ, các phần mộ đã có và tồn tại trên đất đến nay, thể hiện tại các biên bản hòa giải đã qua và việc ông Huỳnh Nhật Msau năm 1975 trực tiếp về chăm sóc mồ mã, cũng như thân tộc họ Dương sau khi chết vẫn được mang về chôn cất trong diện tích 3.663,7m² vào năm 1978, 1996 không có sự tranh chấp, phản đối nào từ cha mẹ chồng bà Nhan Thị T và hộ bà Nhan Thị T. Vì vậy, có cơ sở để xác định nguồn gốc đất của ông Dương Phú Q quản lý và sử dụng, sau đó đã được vợ chồng ông Huỳnh Nhật T3 chăm sóc mồ mã liên tục cho đến nay (chỉ gián đoạn từ sau năm 1945 đến trước 30/4/1975 do ông Huỳnh Nhật T3 tham gia hoạt động cách mạng), cha mẹ chồng bà Nhan Thị T và hộ bà Nhan Thị T lúc đầu chỉ vào canh tác trồng hoa màu phần đất trống quanh khu vực mộ, sau đó mới cất nhà để ở với diện tích nhỏ và dần dần thêm diện tích như hiện nay.

Việc bà Nhan Thị T cho rằng diện tích 2.185,1m²/3.663,7m² gia đình bà đã canh tác từ năm 1945 đến nay là không đúng thực tế, bởi vì dựa vào các chứng cứ như: Giấy viết tay chấp thuận của ông Huỳnh Nhật M ngày 24/6/1992 về việc cho bà Lý Kim V cất nhà; Biên bản hòa giải ngày 26/3/1993 các hộ Huỳnh Văn Đ, Lý Kim V, Thạch S đều thống nhất là chỉ ở chứ không sang bán, không được lấn ra thêm; kết quả thống nhất tại cuộc hòa giải do Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang tổ chức ngày 26/3/1993 và qua quá trình sử dụng đất nêu trên cho thấy hộ bà Nhan Thị T định cư ổn định cất nhà trên phần đất có diện tích đầu tiên 71,5m² (năm 1993), năm 1996 lấn dần ra được 300m² và đến nay là 1.103m² (Nhan Thị T 967,7m²; Thạch Thị Ngọc O 135,3m²). Đối với diện tích 2.185,1m² còn lại giáp với phần mộ của gia tộc họ Dương, hộ bà T chỉ tận dụng thêm để trồng hoa màu trong quá trình gia đình ông Huỳnh Nhật M còn để trống (mục đích sử dụng phần đất này của gia tộc họ Dương để làm nơi chôn cất). Vì vậy, việc hộ bà Nhan Thị T cho rằng diện tích 2.185,1m² bỏ hoang, cha chồng của bà sử dụng và nay bà sử dụng, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang công nhận quyền sử dụng cho gia đình bà là không phù hợp.

Bà Nhan Thị T cho rằng biên bản hòa giải ngày 26/3/1993 ông Thạch S không có tư cách đại diện gia đình tham gia hòa giải, việc Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang mời ông Thạch S hòa giải là không đúng chủ thể mà bà Nhan Thị T mới là chủ thể sử dụng đất hợp pháp vì được thừa hưởng đất đai từ cha mẹ chồng để lại. Cơ sở này của bà Nhan Thị T đưa ra là không phù hợp bởi ông Thạch S đã về chung sống cùng một hộ với bà Nhan Thị T từ năm 1973 và năm 1996 ông Thạch S là người đứng tên sổ mục kê phần đất tranh chấp nêu trên; thời điểm trước, trong và sau khi hòa giải (kể cả việc ông Thạch S đứng kê khai phần đất) không có sự phản đối nào từ phía bà Nhan Thị T và các con bà Nhan Thị T. Cho nên việc ông Thạch S đại diện hộ tham gia hòa giải ngày 26/3/1993 là hoàn toàn phù hợp về quyền và nghĩa vụ đối với hộ sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, năm 1993; việc Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang tổ chức hòa giải ngày 26/3/1993 để các bên tự nguyện thỏa thuận có lý,

có tình và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Chỉ thị 235-CT/TW ngày 20/9/1976 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề ruộng đất ở miền Nam, trong đó có quy định việc giải quyết vấn đề đất đai có mồ mả.

Từ thực trạng sử dụng đất, căn cứ cơ sở pháp lý và những nhận xét nêu trên, xét thấy nội dung giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang tại Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 về việc công nhận cho ông Huỳnh Nhật M đối với phần diện tích hoa màu 2.185,1m² là phù hợp. Việc đồng ý của ông Huỳnh Nhật M thống nhất cho các hộ sử dụng đất và việc thỏa thuận giữa các hộ sử dụng đất với ông Huỳnh Nhật M được nêu tại Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 là phù hợp cần được công nhận. Việc khiếu nại của bà Nhan Thị T là không có cơ sở để công nhận. Tuy nhiên, phần diện tích được nêu tại Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 cần được điều chỉnh để phù hợp với kết quả kiểm đặc thực tế. Từ cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh khẳng định việc giải quyết khiếu nại của bà Nhan Thị T tại Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Ngọc O trình bày:

Thống nhất trình bày của bà Nhan Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Nhật M, ông Huỳnh Trung K1 trình bày:

Ông thống nhất theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Kim V, ông Từ Minh K trình bày:

Ông thống nhất theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa , người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xin xét xử vắng mặt và có ý kiến bằng văn bản vẫn bảo lưu Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhan Thị Tvà bà Thạch Thị Ngọc O trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Thạch Sơn L2 là ông nội chồng của bà Nhan Thị T, khi ông Thạch Sơn L2 chết có để lại phần đất này cho ông Thạch D là chồng của bà Nhan Thị T quản lý sử dụng, năm 1970 ông Thạch D chết, đến năm 1973 thì bà Nhan Thị T về chung sống với ông Thạch Svà tiếp tục canh tác phần đất này, từ đó có cơ sở chứng minh nguồn gốc đất là của bà Nhan Thị T.

Về thẩm quyền giải quyết vụ việc, biên bản hòa giải không thành ngày 31/3/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang không đúng thành phần, không có cán bộ phụ trách Tư pháp thị trấn tham gia hòa giải là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và cả tài sản trên đất là không đúng thẩm quyền.

Các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xác định nguồn gốc đất là chưa phù hợp, bởi bà Nhan Thị T có cung cấp Tờ mua bán đất có nêu phần liền kề là của ông Thạch Sơn L2 là ông nội chồng của bà Nhan Thị T, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang không có cơ sở chứng minh ông Dương Phú Qcó mộ trên phần đất tranh chấp. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị T, hủy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng hành chính của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ kiện đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính về phiên tòa sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa hai bên là bà Nhan Thị T và ông Huỳnh Nhật M đều cho rằng là đất của ông bà để lại. Về phía ông Huỳnh Nhật M cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 2.185,1m² chiết thừa số 34 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh là của ông Dương Phú Q (ông ngoại của ông Huỳnh Nhật M) chết và để lại cho con gái là bà Dương Thị T2 và con rể là ông Huỳnh Nhật T3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1943, ông Dương Phú Q chết, năm 1978 bà Dương Thị T2 chết đều được chôn cất trên phần đất tranh chấp này và cũng không ai phản đối, tranh chấp (Biên bản khảo sát đo đạc ngày 16/01/2014 thể hiện sơ đồ 13 ngôi mộ của từng người (BL 179-183).

Sau khi bà Dương Thị T2 và ông Huỳnh Nhật T3 chết, ông Huỳnh Nhật M (con ruột bà Dương Thị T2 và ông Huỳnh Nhật T3) tiếp tục quản lý, trông coi mộ ông bà và phần đất nêu trên; mặc dù ông Huỳnh Nhật M không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất của gia đình ông, nhưng qua lời trình bày của bà Lý Kim V, ông Huỳnh Văn Đ thì phần đất trên là của ông Huỳnh Nhật M. Đồng thời căn cứ vào giấy viết tay chấp thuận của ông Huỳnh Nhật M ngày 24/6/1992 về việc cho bà Lý Kim V cất nhà; biên bản hòa giải ngày 26/3/1993 các hộ ông Huỳnh Văn Đ, bà Lý Kim V, ông Thạch S đều thống nhất là chỉ ở chứ không được sang bán, không được lấn ra thêm, vì vậy có cơ sở quyền sử dụng đất nêu trên là của hộ ông Huỳnh Nhật M.

Còn bà Nhan Thị T cho rằng đây là phần đất của ông nội chồng tên Thạch Sơn L2 để lại cho bà sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Thạch Thị Ngọc L là người được bà Nhan Thị T ủy quyền và vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhan Thị T đưa ra chứng cứ Tờ bán đất là chưa có cơ sở vững chắc, ngoài ra không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Từ những cơ sở trên, xét thấy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh là có cơ sở, phù hợp đúng với quy định của pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị T là chưa có cơ sở thuyết phục, nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 29-3-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định; án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/4/201, người khởi kiện bà Nhan Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Ngọc O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại toàn bộ bản án số 06/2018/HC-ST ngày 29-3-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và bà O do luật sư Kim Ron T1 trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Thạch Sơn L2 để lại cho ông Thạch D là chồng của bà Nhan Thị T quản lý sử dụng, năm 1970 ông Thạch D chết, đến năm 1973 thì bà Nhan Thị T về chung sống với ông Thạch Svà tiếp tục canh tác phần đất này.

Các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xác định nguồn gốc đất là chưa phù hợp, bởi bà Nhan Thị T có cung cấp Tờ mua bán đất có nêu phần liên kề là của ông Thạch Sơn L2 là ông nội chồng của bà Nhan Thị T, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang không có cơ sở chứng minh ông Dương Phú Q có mộ trên phần đất tranh chấp.

Ngoài lời khai của ông M thì không có tài liệu nào trong hồ sơ vụ án thể hiện phần đất có mộ là của ông M. Biên bản xem xét tại chỗ ghi nhận phần đất mồ mả nghĩa địa và đất trống còn lại hơn 2.000m² do gia đình bà T sử dụng trồng cây lâu năm. Năm 1983 bà T đăng ký vào sổ mục kê. Việc UBND huyện Cầu Ngang căn cứ vào lời khai của gia đình ông M là không đúng quy định của luật đất đai. Luật đất đai quy định hộ gia đình sử dụng lâu dài có đăng ký kê khai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà T sử dụng lâu dài đối với phần đất tranh chấp trên. Việc UBND các cấp chấp nhận khiếu nại của ông M là trái quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử dựa vào lời khai một bên, không xem xét toàn diện, khách quan chứng cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nhan Thị T và bà Thạch Thị Ngọc O chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thủy Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Ngọc O trình bày: Thông nhất với ý kiến của luật sư Kim Ron T1.

Ông Huỳnh Trung K1, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Nhật M trình bày: Nguồn gốc đất là của gia đình ông Huỳnh Nhật M cho nên các Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, bà O. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ và xét xử đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo nhận thấy: Báo cáo số 68/BC-PTNMT, ngày 17/10/2011 của Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Cầu Ngang (bút lục 131), báo cáo số 99/BC-STNMT, ngày 10/4/2014 của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Trà Vinh (bút lục 220) và tờ trình số 138/BC-TTr ngày 21/7/2014 của Thanh tra tỉnh Trà Vinh (bút lục 141) xác định nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho ông M. Tại bút lục số 179 thể hiện có khu mồ mã của dòng họ D. Bút lục số 72 thể hiện ông Huỳnh Nhật M cho bà Năm S1 01 nền đất không được chuyển nhượng. Từ đó, có căn cứ diện tích đất nêu trên là của ông Huỳnh Nhật M. Phía bà T, bà O không đưa ra được chứng cứ chứng minh đất mình sử dụng là hợp pháp. Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà O; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, vừa Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2]Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh vắng mặt tại phiên toà, nhưng đã được tọa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Thạch Thị Ngọc L, người đại diện theo ủy quyền của bà Nhan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3]Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự trình bày trên khu đất được Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh điều chỉnh còn có khu mộ của dòng họ Dương. Khu mộ này gia đình ông Huỳnh Nhật M cũng như gia đình bà Nhan Thị T đều không quản lý, sử dụng mà do các con cháu của dòng họ Dương quản lý, có xây tường bao thành khuôn viên và có cổng khoá. Như vậy, đây là chứng cứ mới tại phiên toà phúc thẩm, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm không thể làm rõ ngay được. Do đó, trong vụ án này ngoài các đương sự đã tham gia tố tụng thì còn liên quan đến những đương sự khác là thân nhân của những người chết được chôn trong khu mộ nêu trên, nhưng họ chưa được tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của họ.

[2] Về nội dung:

[2.1]Bà Nhan Thị T cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của cố Thạch Sơn L2 để lại cho cha chồng bà là cụ Thạch K2 (cố Thạch Sơn L2 là cha của ông Thạch K2). Năm 1954 bà về sống với ông Thạch D (là con ông Thạch K2) được thừa hưởng phần đất này tiếp tục canh tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 1970 ông Thạch D chết, đến năm 1973 thì bà về sống với ông Thạch Svà tiếp tục canh tác phần đất tranh chấp. Năm 1984 thì bà kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2004 thì ông Huỳnh Nhật M về phát sinh tranh chấp. Do đó, bà T yêu cầu huỷ Quyết định số 1881/QĐ-UBND Ngày 06/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Ủy Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2.2]Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như giấy viết tay chấp thuận của ông Huỳnh Nhật M ngày 24/6/1992 về việc cho bà Lý Kim V cất nhà; giấy giao kết ngày 13/7/1992 và ngày 02/8/1992, biên bản hòa giải ngày 26/3/1993 các hộ Huỳnh Văn Đ, Lý Kim V, Thạch S đều thống nhất là chỉ ở chứ không sang bán,

không được lấn ra thêm và quá trình sử dụng đất. Các biên bản này đều có ông Thạch S là chồng bà T đại diện hộ gia đình tham gia hoà giải và ký nhận. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chưa triệu tập những người có tên trong các biên bản nêu trên để đối chất làm rõ ý chí của ông Thạch S khi đó nói chỉ ở là như thế nào? diện tích tranh chấp và thoả thuận khi lập biên bản là bao nhiêu, có bao gồm phần đất phía sau khu mộ 2.185,1m² hay không?

[2.3] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, đại diện cho bà T trình bày phần đất phía sau khu mộ 2.185,1m² trước đây Nhà nước có quy hoạch làm nhà máy xay xát, hiện nay nền nhà xưởng của nhà máy vẫn còn và gia đình bà T đang canh tác trên nền đất này. Tại Công văn số 1755/UBND-NC ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh có nội dung xác định sau khi nhà máy xay xát rời đi thì không có văn bản nào giao cho gia đình bà T phần đất này. Như vậy, cần làm rõ Nhà nước còn có nhu cầu sử dụng nền nhà máy xay xát này không? Ông K1 đại diện cho ông M trình bày có cho Nhà nước mượn đất để làm nhà máy xay xát, khi Nhà nước không sử dụng nữa thì trả lại phần đất này cho gia đình ông M, việc này có đúng không? Có chứng cứ nào chứng minh không? Như vậy, đây là chứng cứ mới tại phiên toà phúc thẩm, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm không thể làm rõ ngay được.

[2.4] Do vụ án có tình tiết mới, và một số tài liệu, chứng cứ có mâu thuẫn với nhau mà tại phiên toà phúc thẩm không thể bổ sung được, nên Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên bà Nhan Thị T và bà Thạch Thị Ngọc O không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nhan Thị T; huỷ toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nhan Thị T và bà Thạch Thị Ngọc O không phải chịu. Trả lại cho bà Nhan Thị T, bà Thạch Thị Ngọc O mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017013 và số 0017014 cùng ngày 17/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Tuấn

Đặng Văn Ý

Vũ Ngọc Huynh